

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1908* /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tổ chức thực hiện một số chính sách thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (Nghị định 67/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP (Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP (Nghị định số 17/2018/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 143/TTr-SNN&PTNT ngày 22/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tổ chức thực hiện một số chính sách thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; với các nội dung chính sau:

I. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi: Quy định việc tổ chức thực hiện một số chính sách về tín dụng, chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư, chính sách bảo hiểm và một số chính sách khác nhằm phát triển thủy sản theo các Nghị định số: 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 và số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo các Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số 89/2015/NĐ-CP và số 17/2018/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động thủy sản.

- Tổ chức, cá nhân đóng mới tàu cá, nâng cấp tàu cá theo các Nghị định số: 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 và số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

II. Các chính sách thực hiện:

1. Chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá

a) Thời gian ký kết hợp đồng tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được thực hiện đến hết ngày 31/12/2017. Trường hợp khoản vay giải ngân sau ngày 31/12/2018 thì lãi suất cho vay do Ngân hàng thương mại và khách hàng tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chủ tàu chịu trách nhiệm thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện giám sát thi công trong suốt quá trình đóng mới, cải hoán, duy tu, sửa chữa tàu cá, chi phí thuê tư vấn giám sát được tính vào tổng giá trị đầu tư đóng tàu.

c) Được phép thực hiện cơ chế chuyển đổi chủ tàu trong trường hợp chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc chủ tàu đã hoàn thành đóng mới nhưng không đủ năng lực để hoạt động khai thác hải sản, đồng thời chủ tàu mới đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và có ý kiến thống nhất của Ngân hàng thương mại cho vay. Chủ tàu mới tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến dự án theo quy định hiện hành.

Các quy định cụ thể về thủ tục chuyển đổi chủ tàu do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh hướng dẫn.

2. Chính sách cho vay vốn lưu động

a) Đối tượng được vay vốn: Chủ tàu khai thác hải sản xa bờ; chủ tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (*gọi chung là khách hàng*).

b) Việc cho vay vốn lưu động do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư

a) Đối tượng

Chủ tàu đóng mới và sở hữu tàu khai thác hải sản xa bờ hoặc tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 800CV trở lên, cụ thể: Tàu đóng mới thuộc số lượng tàu đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân bổ cho tỉnh Quảng Nam; tàu đóng mới thay thế các tàu làm nghề lưới kéo có công suất từ 90CV trở lên chuyển đổi sang làm các nghề được khuyến khích phát triển như: Lưới vây, nghề lưới rê (*trừ lưới rê khai thác cá ngừ*), nghề câu, nghề chụp, dịch vụ hậu cần.

b) Điều kiện được hỗ trợ

- Chủ tàu có kinh nghiệm trong hoạt động khai thác thủy sản xa bờ hoặc dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ; là thành viên của tổ đội sản xuất, nghiệp đoàn nghề cá, hợp tác xã nghề cá; có tên trong Danh sách được hỗ trợ một lần sau đầu tư do UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt.

- Tàu cá đóng mới phải là tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ vỏ thép, vỏ composite.

- Tàu đóng mới máy chính phải sử dụng máy thủy chính hãng sản xuất và mới 100%.

- Tàu cá phải lắp đặt máy thông tin liên lạc tầm xa có tích hợp thiết bị định vị vệ tinh và kết nối được với trạm bờ để quản lý, giám sát hành trình trong quá trình tàu hoạt động trên biển.

- Tàu khai thác hải sản xa bờ đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và Giấy phép khai thác thủy sản.

- Tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Mức hỗ trợ

- Đối với tàu khai thác, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản đóng mới vỏ thép (*bao gồm cả các trang thiết bị mới*), cụ thể:

+ Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 800CV đến dưới 1.000CV, chủ tàu được hỗ trợ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) giá trị đầu tư đóng mới nhưng không quá 6,7 tỷ đồng/tàu (Sáu tỷ bảy trăm triệu đồng);

+ Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 1.000CV trở lên, chủ tàu được hỗ trợ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) giá trị đầu tư đóng mới nhưng không quá 8 tỷ đồng/tàu (Tám tỷ đồng).

- Đối với tàu khai thác, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản đóng mới vỏ composite có công suất từ 800CV trở lên (*bao gồm cả các trang thiết bị mới*), chủ tàu được hỗ trợ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) giá trị đầu tư đóng mới nhưng không quá 6,7 tỷ đồng/tàu (Sáu tỷ bảy trăm triệu đồng).

d) Trình tự thực hiện, thủ tục hỗ trợ:

- Chủ tàu làm Đơn đăng ký (*Mẫu Đơn theo Phụ lục 1 đính kèm*) thực hiện đóng mới tàu vỏ thép, composite theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP kèm theo Phương án sản xuất, hồ sơ chứng minh là thành viên nghiệp đoàn nghề cá, tổ đoàn kết sản xuất nghề cá gửi cho UBND cấp xã xác nhận, báo cáo cho UBND cấp huyện thẩm định, gửi kết quả cho Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 67) thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT (*theo địa chỉ: Chi cục Thủy sản - Số 01, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ*) để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, chủ tàu thực hiện đóng mới tàu cá, hoàn tất công tác đăng kiểm tàu cá, đăng ký tàu cá và được cấp phép khai thác thủy sản theo quy định; tham gia vào các tổ đội sản xuất, nghiệp đoàn nghề cá, hợp tác xã nghề cá.

- Chủ tàu gửi hồ sơ (01 bộ) đề nghị hỗ trợ cho Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện), địa chỉ: Số 01, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ. Hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu của chủ tàu có xác nhận của UBND xã/phường nơi chủ tàu có hộ khẩu thường trú (Mẫu Đơn theo Phụ lục 2 đính kèm).

+ Bản sao giấy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu.

+ Bản sao chứng thực các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu khai thác hải sản; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ.

+ Hợp đồng đóng mới tàu cá để xác định chủ tàu đặt hàng đóng mới tàu cá.

+ Bảng quyết toán của cơ sở đóng tàu về tổng mức đầu tư đóng mới tàu cá (bao gồm cả máy móc, trang thiết bị hàng hải; thiết bị phục vụ khai thác; trang thiết bị bảo quản hải sản; bảo quản hàng hóa; bốc xếp hàng hóa) kèm theo các hóa đơn, chứng từ thanh toán tiền đóng mới tàu cá, tiền mua mới máy móc, trang thiết bị.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan (Thường trực Ban chỉ đạo 67, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo 67) tổ chức thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình (kèm theo các hồ sơ) đề nghị của Liên Sở: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt số tiền hỗ trợ cho chủ tàu; cấp bổ sung kinh phí có mục tiêu cho cấp huyện để chi hỗ trợ và thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính nhập bổ sung dự toán vào chương trình TABMIS cho các huyện, thị xã, thành phố có ngư dân được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế tham mưu UBND cấp huyện quyết định chi hỗ trợ cho chủ tàu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định chi hỗ trợ của UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

- Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Kho bạc Nhà nước cấp huyện chuyển tiền vào tài khoản do chủ tàu mở tại Ngân hàng có vay vốn đầu tư (hoặc tài khoản theo yêu cầu của chủ tàu đối với các tàu không vay vốn ngân hàng) hoặc thông báo cho chủ tàu đến Kho bạc Nhà nước cấp huyện để làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ; chủ tàu phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân để đối chiếu khi nhận tiền.

4. Chính sách bảo hiểm

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho các tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ là thành viên tổ đội, nghiệp đoàn nghề cá, hợp tác xã khai thác hải sản và có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên:

Hỗ trợ hằng năm 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu.

Hỗ trợ hằng năm 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu (*bảo hiểm mọi rủi ro đối với thân tàu, không bao gồm trang thiết bị đánh bắt hải sản, ngư lưới cụ trên tàu*).

a) Đối tượng được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm

- Chủ tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

+ Thuộc Danh sách tàu cá xa bờ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số 89/2015/NĐ-CP, số 17/2018/NĐ-CP do UBND tỉnh phê duyệt.

+ Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

+ Có Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu khai thác hải sản xa bờ hoặc đăng ký tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định của pháp luật.

+ Đã thực hiện đăng ký thuyền viên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Sổ Danh bạ thuyền viên theo quy định pháp luật.

+ Chủ tàu đã thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm tai nạn thuyền viên, bảo hiểm thân tàu với doanh nghiệp bảo hiểm được Bộ Tài chính chấp thuận và công bố.

- Thuyền viên làm việc trên tàu cá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại gạch đầu dòng điểm a) nêu trên.

b) Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thông qua doanh nghiệp Bảo hiểm mà chủ tàu thực hiện ký kết hợp đồng bảo hiểm theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ Tài chính. Chủ tàu nộp đầy đủ phí bảo hiểm ngoài khoản ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định.

c) Trình tự thực hiện, thủ tục hỗ trợ

- Chủ tàu cá xa bờ làm Đơn đăng ký vào Danh sách tàu cá xa bờ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số 89/2015/NĐ-CP, số 17/2018/NĐ-CP (*Mẫu Đơn theo Phụ lục 3 đính kèm*) gửi cho UBND cấp xã xác nhận, báo cáo cho UBND cấp huyện thẩm định, gửi kết quả cho Ban Chỉ đạo 67 thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT (*theo địa chỉ: Chi cục Thủy sản - Số 01, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ*) để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Các chủ tàu cá thực hiện mua bảo hiểm tại doanh nghiệp Bảo hiểm trên địa bàn tỉnh được Bộ Tài chính chấp thuận triển khai bảo hiểm theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; nộp số phí bảo hiểm còn lại (*ngoài khoản được ngân sách Nhà nước hỗ trợ*).

- Trước ngày 10 hằng tháng, doanh nghiệp Bảo hiểm lập hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, gửi cho Sở Nông nghiệp và PTNT - Thường trực của Ban Chỉ đạo 67 tỉnh (*theo địa chỉ: Chi cục Thủy sản - Số 01, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ*).

- Trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan (*Thường trực Ban Chỉ đạo 67, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo 67*) thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp Bảo hiểm.

- Trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình (kèm theo các hồ sơ) của Liên Sở: Nông nghiệp và PTNT - Sở Tài chính, UBND tỉnh, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh hoàn thành việc chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm toàn bộ phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách hỗ trợ theo quy định.

5. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo, hướng dẫn thuyền viên

Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

a) Đối tượng được hỗ trợ:

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, hướng dẫn thuyền viên.

- Thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; vận hành kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên.

b) Nội dung mức chi hỗ trợ:

Theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

6. Chính sách hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ

a) Đối tượng: Chủ tàu cá vỏ thép có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên khi thực hiện duy tu, sửa chữa định kỳ tàu.

b) Mức hỗ trợ: Theo chi phí thực tế trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật duy tu, sửa chữa định kỳ của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nhưng mức chi không quá 1% giá trị đóng mới tàu vỏ thép có tổng công suất máy chính từ 400 CV trở lên.

c) Điều kiện được hỗ trợ:

- Chủ tàu có tàu khai thác, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản vỏ thép thường xuyên trên các vùng biển xa bờ thuộc Danh sách tàu cá xa bờ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số 89/2015/NĐ-CP, số 17/2018/NĐ-CP do UBND tỉnh phê duyệt và có Giấy phép khai thác thủy sản (*đối với tàu khai thác hải sản*) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (*đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản*) còn hiệu lực.

- Tàu khai thác, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ không vi phạm các quy định pháp luật về thủy sản và quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (1 bộ) gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ (Phụ lục 4 đính kèm).

- Giấy xác nhận tàu cá có hoạt động khai thác, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (do Chi cục Thủy sản Quảng Nam cấp từ việc trích xuất dữ liệu tin nhắn báo cáo vị trí tàu cá bằng hệ thống máy thông tin liên lạc sóng HF tầm xa có tích hợp định vị vệ tinh VX-1700, Mẫu theo Phụ lục 4b - Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21/8/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản).

- Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về duy tu, sửa chữa tàu.

- Bản sao chứng thực các giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật; Giấy phép khai thác thủy sản (*đối với tàu khai thác hải sản*) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (*đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản*).

- Hóa đơn hoặc chứng từ thanh toán hợp pháp liên quan đến việc duy tu, sửa chữa tàu.

e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

- Chủ tàu cá xa bờ làm Đơn đăng ký vào Danh sách tàu cá xa bờ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số 89/2015/NĐ-CP, số 17/2018/NĐ-CP (*Mẫu Đơn theo Phụ lục 3 đính kèm*) gửi cho UBND cấp xã xác nhận, báo cáo cho UBND cấp huyện thẩm định, gửi kết quả cho Ban Chỉ đạo 67 tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT (*theo địa chỉ: Chi cục Thủy sản - số 01, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ*) để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn về định mức kinh tế kỹ thuật duy tu, sửa chữa định kỳ tàu cá vỏ thép, tàu cá được duy tu, sửa chữa định kỳ và hoàn tất công tác đăng kiểm, cấp phép khai thác thủy sản, Chủ tàu gửi hồ sơ (*01 bộ*) đề nghị hỗ trợ cho Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam (*theo địa chỉ: Chi cục Thủy sản - số 01, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ; trực tiếp hoặc qua đường bưu điện*).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan (*Thường trực Ban chỉ đạo 67, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo 67*) thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình (kèm theo các hồ sơ) đề nghị của Liên Sở: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt số tiền hỗ trợ cho chủ tàu; cấp bổ sung kinh phí có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện nơi chủ tàu để chi trả hỗ trợ và thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính nhập bổ sung dự toán vào chương trình TABMIS cho các huyện, thị xã, thành phố có ngư dân được hỗ trợ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế tham mưu UBND cấp huyện ban hành quyết định chi hỗ trợ cho chủ tàu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chi hỗ trợ của UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

- Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Kho bạc Nhà nước cấp huyện chuyển tiền vào tài khoản do chủ tàu mở tại Ngân hàng có vay vốn đầu tư (hoặc tài khoản theo yêu cầu của chủ tàu đối với các tàu không vay vốn ngân hàng) hoặc thông báo cho chủ tàu đến Kho bạc Nhà nước cấp huyện để làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ;

chủ tàu phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân để đối chiếu khi nhận tiền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT: Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 67, chủ trì tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 67 tổ chức triển khai thực hiện các chính sách phát triển thủy sản theo các Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số 89/2015/NĐ-CP, số 17/2018/NĐ-CP:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện các chính sách phát triển thủy sản theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định này; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về công tác triển khai thực hiện Nghị định số 17/2018/NĐ-CP cho cán bộ chuyên môn và ngư dân tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển.

b) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP, kế hoạch, quy định của UBND tỉnh về thực hiện chính sách phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành hướng dẫn về định mức kinh tế kỹ thuật duy tu, sửa chữa định kỳ tàu cá vỏ thép, phổ biến, hướng dẫn các chủ tàu cá vỏ thép xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ tàu cá vỏ thép.

c) Cử cán bộ lãnh đạo, cán bộ có chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định hồ sơ theo đề nghị của Ban chỉ đạo 67.

d) Tổ chức công tác tiếp nhận hồ sơ đề nghị của các địa phương, ngư dân, chủ tàu, doanh nghiệp. Hằng tháng, trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo 67, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt các loại Danh sách, quyết định hỗ trợ chủ tàu, chi trả hỗ trợ phí bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, cấp kinh phí đào tạo cho đơn vị thực hiện.

đ) Chỉ đạo Chi cục Thủy sản Quảng Nam thực hiện xác nhận tàu cá khai thác, dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa bằng hệ thống giám sát định vị vệ tinh; hỗ trợ các địa phương nghề cá hướng dẫn các chủ tàu tham gia vào Tổ đội đoàn kết sản xuất; cung cấp cho các cơ quan thuế, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng các tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc thực hiện các chính sách thuế, chính sách bảo hiểm, chính sách tín dụng. Hướng dẫn các chủ tàu thực hiện đúng quy định về pháp luật về đăng ký tàu cá, đăng ký thuyền viên, đăng kiểm tàu cá, cấp phép khai thác thủy sản...

e) Tổ chức hoặc lựa chọn cơ quan, đơn vị có khả năng để giao tổ chức thực hiện đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

f) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thực hiện công tác tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính các báo cáo định kỳ, đột xuất; tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

i) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện công tác lập dự toán kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP.

k) Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 67 về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy định và công khai, minh bạch. Đồng thời, theo dõi, tổng hợp các vướng mắc phát sinh tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

a) Cung cấp danh sách các doanh nghiệp bảo hiểm trên địa bàn tỉnh đã được Bộ Tài chính chấp thuận triển khai chính sách bảo hiểm theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP cho UBND cấp huyện để chỉ đạo UBND cấp xã thông báo cho các chủ tàu thực hiện.

b) Cử cán bộ lãnh đạo, cán bộ có chuyên môn phù hợp tham gia thẩm định hồ sơ theo đề nghị của Ban Chỉ đạo 67.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện các chính sách của tỉnh vào dự toán chi ngân sách hằng năm để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính cùng với dự toán chi ngân sách địa phương hằng năm, tham mưu UBND tỉnh các báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh quyết định hỗ trợ một lần sau đầu tư, chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ cho chủ tàu; phân bổ kinh phí đào tạo, hướng dẫn thuyền viên theo quy định; chi trả hỗ trợ phí bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

đ) Tham mưu UBND tỉnh bổ sung kinh phí năm 2018 và những năm đến để Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

3. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam

a) Theo dõi, kiểm tra việc triển khai cho vay, thu hồi nợ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh. Thực hiện vai trò là cầu nối giữa các ngân hàng thương mại với chính quyền địa phương, các Sở, Ban, ngành liên quan trong việc đôn đốc các chủ tàu đã được vay vốn theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP thực hiện trả nợ vay ngân hàng đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; chỉ đạo các ngân hàng thực hiện theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số

89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP của các chủ tàu và việc trả nợ gốc, lãi suất theo quy định.

Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, báo cáo kịp thời về Ban Chỉ đạo 67 (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh giải quyết.

b) Hướng dẫn thực hiện chuyển đổi chủ nợ trong trường hợp chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc chủ tàu đã hoàn thành đóng mới nhưng không đủ năng lực để hoạt động khai thác hải sản.

c) Định kỳ hằng tháng, quý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 67 (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) kết quả thực hiện cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá đối với chủ tàu cá thuộc danh sách được UBND tỉnh phê duyệt.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển

a) Tổng hợp, tổ chức thẩm định Danh sách chủ tàu cá có nhu cầu đóng mới tàu vỏ thép, composite theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP, Danh sách tàu cá xa bờ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP đã được UBND cấp xã xác nhận, báo cáo về Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo 67 là Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Tổ chức cho các tàu cá xa bờ của địa phương tham gia tổ, đội đoàn kết sản xuất trên biển; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn các tổ, đội đoàn kết duy trì hoạt động nề nếp theo quy định tại Quyết định số 58/2005/QĐ-UBND ngày 29/8/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức khai thác hải sản trên biển theo hình thức tổ, đội đoàn kết của ngư dân tỉnh.

c) Cùng với thời gian lập dự toán ngân sách hằng năm, chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND cấp huyện báo cáo gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách tỉnh.

d) Chỉ đạo UBND cấp xã xác nhận chính xác các nội dung về chủ tàu: Có kinh nghiệm trong hoạt động khai thác thủy sản xa bờ hoặc dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ, là thành viên của tổ đội sản xuất, nghiệp đoàn nghề cá, hợp tác xã nghề cá,...; tổng hợp báo cáo về UBND cấp huyện thẩm định các loại Danh sách.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện kiểm soát chi và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ tàu được hỗ trợ nhanh chóng nhận tiền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 02/10/2014, số 4815/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các Ngân hàng thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /k

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC;
- TVTU, TTHĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Chi cục Thủy sản;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng